

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 12/7/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC9969	Đỗ Duy Anh	Bảo	19/09/2001	Đồng Nai	8,0	10,0	9,5	9,5	9,67	Đạt	
2	BKNC9970	Lâm Ngọc Quế	Châu	09/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	9,5	9,5	9,5	9,5	Đạt	
3	BKNC9971	Ngô Trường	Chi	10/03/1985	Tây Ninh	10,0	9,0	9,0	10,0	9,33	Đạt	
4	BKNC9972	Lê Thành	Danh	19/05/2005	Tây Ninh	6,33	6,0	8,0	5,5	6,5	Đạt	
5	BKNC9973	Trần Hà	Giang	20/01/1992	Cần Thơ	9,33	7,0	8,0	6,0	7,0	Đạt	
6	BKNC9974	Trần Thị Kiều	Hân	06/03/2005	Gia Lai	7,33	8,0	7,5	5,0	6,83	Đạt	
7	BKNC9975	Hoàng Thị	Hương	16/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,0	9,0	7,0	7,67	Đạt	
8	BKNC9976	Nguyễn Anh	Khoa	21/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	7,0	6,0	6,0	6,33	Đạt	
9	BKNC9977	Đặng Văn	Lâm	31/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	9,0	9,0	8,0	8,67	Đạt	
10	BKNC9978	Huỳnh Thuỳ	Lâm	27/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	9,0	7,5	8,5	Đạt	
11	BKNC9979	Vũ Thị Trà	My	16/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,0	9,5	6,0	7,5	Đạt	
12	BKNC9980	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	26/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,5	10,0	9,0	9,5	Đạt	
13	BKNC9981	Lê Văn	Nghĩa	08/07/1992	Bình Thuận	9,0	8,0	9,5	8,0	8,5	Đạt	
14	BKNC9982	Trần Trung	Nhân	07/11/2006	An Giang	8,67	6,0	8,5	8,0	7,5	Đạt	
15	BKNC9983	Huỳnh Anh	Nhật	10/04/2006	Đồng Tháp	8,67	9,0	9,0	7,0	8,33	Đạt	
16	BKNC9984	Nguyễn Ngọc Yển	Nhi	10/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,0	9,0	6,0	7,67	Đạt	
17	BKNC9985	Nguyễn Thị Yển	Nhi	27/04/2005	Thành phố Đà Nẵng	6,67	9,0	8,5	6,0	7,83	Đạt	
18	BKNC9986	Nguyễn Tó	Nhi	10/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	9,0	10,0	9,33	Đạt	
19	BKNC9987	Phạm Huỳnh Yển	Nhi	31/07/2004	Đắk Lắk							Vắng
20	BKNC9988	Phạm Thụy Huyền	Nhung	22/07/2004	Đồng Nai	6,33	5,0	5,5	2,5	4,33	Không đạt	
21	BKNC9989	Trần Thị Hồng	Nhung	14/10/2006	Gia Lai	10,0	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
22	BKNC9990	Nguyễn Hoàng Mỹ	Nữ	23/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	9,5	9,5	8,0	9,0	Đạt	
23	BKNC9991	Vũ Hoàng Kim	Phụng	18/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	5,5	9,0	6,0	6,83	Đạt	
24	BKNC9992	Nguyễn Hà Mai	Phương	08/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,5	10,0	8,5	9,33	Đạt	
25	BKNC9993	Trần Thanh	Tâm	10/11/2006	Gia Lai	9,0	9,5	9,0	8,5	9,0	Đạt	
26	BKNC9994	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	10,0	10,0	9,5	9,83	Đạt	
27	BKNC9995	Nguyễn Thị Anh	Thư	04/12/2002	Lâm Đồng	6,33	10,0	9,5	7,5	9,0	Đạt	
28	BKNC9996	Trần Gia	Thụy	16/10/2006	An Giang	9,0	9,5	10,0	9,0	9,5	Đạt	
29	BKNC9997	Nguyễn Tân	Tiến	30/08/1990	Long An	7,33	9,0	9,0	8,0	8,67	Đạt	
30	BKNC9998	Trần Ngọc	Trân	02/04/2005	An Giang	8,33	7,0	9,0	6,0	7,33	Đạt	
31	BKNC9999	Dương Huyền	Trang	28/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	9,5	9,0	8,0	8,83	Đạt	
32	BKNC10000	Nguyễn Lê Phương	Trinh	29/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,5	9,5	10,0	9,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
33	BKNC10001	Ngô Quang	Trọng	06/10/2006	Lâm Đồng	9,33	9,0	9,5	9,0	9,17	Đạt	
34	BKNC10002	Nguyễn Hữu	Trọng	06/10/2006	An Giang	8,33	9,0	8,0	8,0	8,33	Đạt	
35	BKNC10003	Lê Thị	Tuyết	08/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	7,5	9,0	9,0	8,5	Đạt	
36	BKNC10004	Nguyễn Thị Như	Ý	09/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,5	9,0	7,0	7,83	Đạt	

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN) >= 5 và Điểm thực hành 3 mô đun >= 5

Số lượng thí sinh:36Số thí sinh đạt:34

Số lượng hiện diện:35

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam